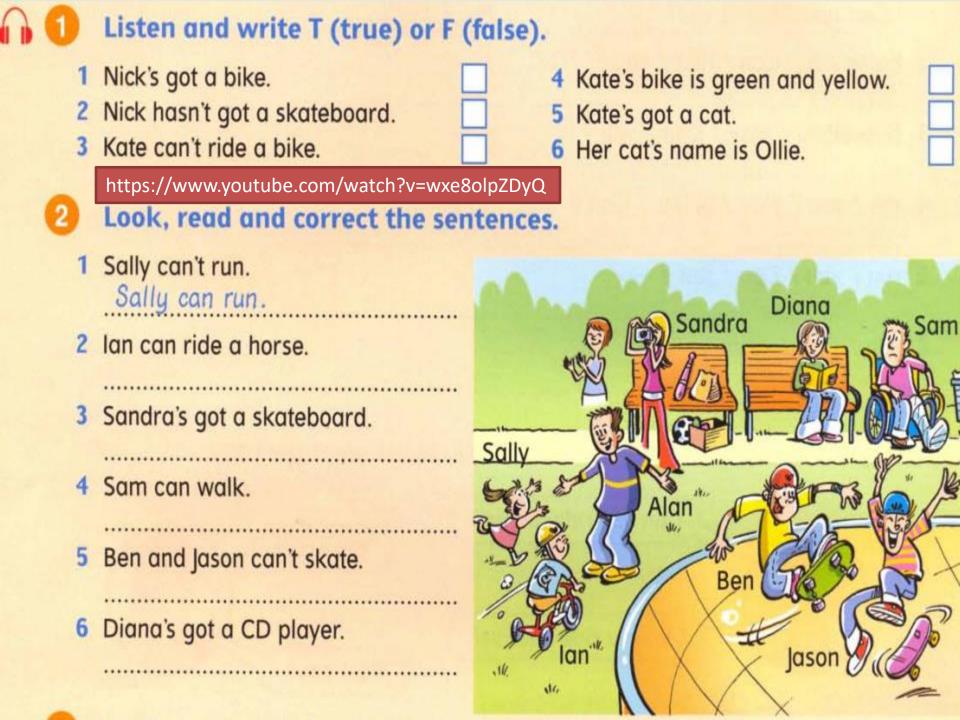
Grammar time Unit 9 Page 54-55



Look and find. Then write.



1 It's Ben's skateboard.



.



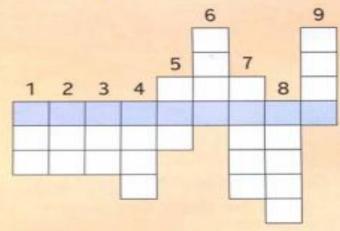


C PROD



- Circle the correct word.
- A: Is this ¹you / your CD player?
- B: No, it isn't. It's ²Peter's / Peters'. ³He / I haven't got a CD player.
- A: 4You can / Can you ride a horse?
- B: No, I ⁵can / can't but I can ride a bike!
- A: Is that ⁶Tony's brother / Tony brother's?
- B: No, it isn't. Tony ⁷haven't / hasn't got a brother. He's ⁸has / got a sister.
- A: ⁹Has / Can Anna swim?
- B: 10 Yes / No, she can. She's very good. Can you swim?
- A: Yes, I 11 am / can.

Do the puzzle. Find the secret word!



1 They ... fly.



- 2 This is Zoe's bag. It's ... bag.
- 3 Hi! We are Zoe and Dave. This is Brian. He is ... friend.
- 4 Dave ... swim



- 5 I've ... a BMX bike.
- Zoe isn't a boy. She is a

- 8 It's Sam and Helen's car. It's ... car.
- 9 A: Have you got a dog?
- B: Yes. I

Now you can ...

Talk about possession.

My bike is red. This is John's house. We've got a dog.

Talk about ability.

I can ride a horse. Tom can't swim.

1. Khẳng định và phủ định với "have got"

- Khẳng định: Chủ ngữ + have/has got + danh từ.
- → I have got a bike. / She has got a skateboard.
- Phủ định: Chủ ngữ + haven't/hasn't got + danh từ.
- → Nick hasn't got a skateboard. / I haven't got a CD player.

2. Câu hỏi với "Have/Has got"

- Câu hỏi Yes/No: Have/Has + chủ ngữ + got + danh từ?
- → Has Kate got a cat? → Yes, she has. / No, she hasn't.
- Câu hỏi với từ để hỏi: What/Who/Whose + has/have + chủ ngữ + got?
- \rightarrow Whose skateboard is this? \rightarrow It's Ben's skateboard.

3. "Can"

- Khẳng định: Chủ ngữ + can + động từ nguyên mẫu.
- → I can ride a bike.
- Phủ định: Chủ ngữ + can't + động từ nguyên mẫu.
- → Kate can't ride a bike.
- Câu hỏi: Can + chủ ngữ + động từ nguyên mẫu?
- → Can lan ride a horse? → No, he can't, but he can ride a bike!

4. Sở hữu cách ('s) để chỉ sở hữu

- Danh từ số ít: Thêm 's vào danh từ.
- → Sandra's got a skateboard.